

Bản án số: 120/2023/HS-ST

Ngày: 29/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Hải và bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Bảo A - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11 tháng 10 năm 1997 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Tạ Thị V; có vợ là Nguyễn Thị P và 02 con chung (lớn sinh năm 2017 và nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

2. Hà Văn N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07 tháng 6 năm 1998 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố Q, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T1 và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nông Thị L1 và 01 con chung sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

3. Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07 tháng 5 năm 1993 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố Q, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị O; có vợ là Lăng Thị C và 02 con chung (lớn sinh năm 2020 và nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Văn S, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Ông Tạ Văn H, sinh năm: 1983; địa chỉ: tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 12/12/2022, tổ công tác của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thành phố P kiểm tra phát hiện tại phòng 402 nhà nghỉ H1 thuộc tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên có 03 đối tượng nam giới đang sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1993; trú tại tổ dân phố Q, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên), Trần Văn T (sinh năm 1997; trú tại tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên) và Hà Văn N (sinh năm 1998; trú tại tổ dân phố Q, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình kiểm tra, tổ công tác thu giữ: 02 chai nhựa bên trong có chất lỏng không màu, trên nắp chai có gắn ống hút bằng nhựa cạnh giường nghỉ; 04 mảnh giấy bạc, 01 vỏ túi nilon, 01 cuộn giấy bạc đã sử dụng một phần, 01 bật lửa ga màu đỏ, 01 kéo kim loại màu trắng trên ghế trong phòng. Các đối tượng Đ, T và N đều khai nhận vừa sử dụng ma túy “đá” trong phòng 402, các đồ vật thu giữ trong phòng 402 là để phục vụ cho việc các đối tượng sử dụng ma túy. Sau đó, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, niêm phong các đồ vật thu giữ để giải quyết theo quy định.

Ngoài ra tổ công tác còn tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS 29P6-6539 tại nhà nghỉ H1; 2.200.000 đồng tiền ngân hàng N1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có vỏ màu vàng của Trần Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen (bên trong có lắp sim số thuê bao

0355.512.350) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ (bên trong lắp sim số thuê bao 0346.337.949) của Hà Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh đen (bên trong lắp sim số thuê bao 0986.132.600) của Nguyễn Văn Đ.

Cùng ngày 12/12/2022, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu mẫu nước tiểu của các đối tượng Hà Văn N, Trần Văn T và Nguyễn Văn Đ, sau đó niêm phong trong các phong bì ký hiệu lần lượt là: T1, T2, T3 gửi giám định. Tại bản Kết luận giám định số 19/KL-KTHS ngày 21/12/2022 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ký hiệu T1, T2, T3 gửi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 20/KL-KTHS ngày 21/12/2022 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Bên trong chai nhựa và ống hút trong túi niêm phong ký hiệu NS2 2105337 gửi giám định có thành phần của chất ma túy, loại Methamphetamine; Trên bề mặt bốn mảnh giấy bạc và bên trong túi nilon trong túi niêm phong ký hiệu NS2 2105334 gửi giám định có bám dính chất ma túy, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Trần Văn T, Hà Văn N và Nguyễn Văn Đ khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 12/12/2022, Trần Văn T và Hà Văn N đi xe buýt từ Bắc Ninh về khu vực ngã ba N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Trên đường đi, T rủ N tìm chỗ để sử dụng ma túy, N đồng ý, đồng thời T sử dụng điện thoại di động vào phần M1 gọi điện cho Nguyễn Văn Đ đến đón T và N tại ngã tư N. Khoảng 10 giờ cùng ngày thì Đ đi xe mô tô BKS: 29P6-6539 đến đón T và N, cả ba bàn bạc thống nhất với nhau mua ma túy “đá” sử dụng. Do không có tiền mặt nên T bảo N đi rút số tiền 3.500.000 đồng (số tiền 3.500.000 đồng là tiền lương của T, do T không có tài khoản ngân hàng nên T bảo chủ chỗ làm thuê chuyển lương vào tài khoản ngân hàng của N), T xuống xe chờ còn Đ chở N đi rút tiền. Sau khi rút được tiền, Đ đèo N quay trở lại đón T, N đưa lại số tiền 3.500.000 đồng cho T, T cầm tiền rồi đưa lại cho N 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) bảo N liên hệ mua ma túy đá để sử dụng (việc mua ma túy thống nhất là T và N sẽ chia nhau số tiền trên, Đ không phải góp tiền). N dùng số điện thoại 0355.512.350 gọi đến số điện thoại 0963.353.828 cho một người nam giới (Không biết rõ tên tuổi, địa chỉ, do N từng mua ma túy của người này nên trong nhật ký có số), N bảo với người này bán cho N 500.000 đồng tiền ma túy “đá”, người nam giới đồng ý và hẹn đến khu vực đường 47m gần công ty S1 để giao dịch. Đ chở T và N đến điểm hẹn, trong lúc chờ người nam giới mang ma túy đến, T đi bộ đến quầy tạp hoá mua giấy bạc, ống hút nhựa, chai nhựa, bật lửa và một số đồ dùng khác để làm công cụ sử dụng ma túy. Sau khi mua được đồ, T quay lại chỗ N và Đ đang chờ người bán ma túy, chờ khoảng 05 phút thì có 01 người nam giới đi xe máy đến, đứng cách Đ và N khoảng 05 mét, N xuống xe đi bộ lại chỗ người nam giới và đưa cho người này 500.000 đồng, người này ném lại cho N 01 túi ma túy “đá” rồi điều khiển xe máy đi mất. Sau khi mua

được ma túy, N cầm ma túy trên tay đi lại chỗ Đ và T, sau đó Đ điều khiển xe mô tô chở N và T đi đến nhà nghỉ H1 thuộc tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên để thuê phòng sử dụng ma túy. Khi đến nơi, T hỏi thuê phòng, do không mang giấy tờ cá nhân nên T đã cọc ở lễ tân 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Sau khi cọc tiền lễ tân bảo lên phòng 402 và T còn mua thêm chai nước để mang lên phòng. Khi lên phòng N lấy từ trong người ra để lên mặt ghế 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa ma túy “đá”, T xé giấy bạc, N dùng kéo sắt chọc thủng hai lỗ trên nắp nhựa của chai nước lọc T vừa mua, còn Đ cắt ống hút và cắm vào hai lỗ trên nắp nhựa mà N vừa đục để làm công cụ sử dụng ma túy. Sau khi chuẩn bị công cụ để sử dụng ma túy xong, thì Đ, T và N chia ma túy thành hai lần sử dụng. Lần đầu tiên, Đ đổ ma túy “đá” ra giấy bạc, T cầm bật lửa để hơ ma túy nhưng không lên khói, nên N bảo đưa lại cho N để N hơ, khi ma túy có thể sử dụng được thì N là người sử dụng đầu tiên, sau đó đến T và Đ. Sử dụng xong một vòng, thì N để giấy bạc vẫn còn chứa ma túy lên mặt bàn, thấy vậy Đ cầm lên và hơ cho Đ, T và N sử dụng nốt. Sau khi sử dụng hết số ma túy trên Đoàn, T, N tiếp tục sử dụng ma túy lần thứ hai. N cầm chai nước đục nắp nhựa, Đ nối ống hút để sử dụng ma túy, N đổ số ma túy còn lại trong túi ra giấy bạc, sau đó Đ, T, N thay nhau hơ ma túy để sử dụng. Đến khoảng hơn 15 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an thành phố P kiểm tra, lập biên bản và niêm phong số vật chứng có liên quan theo quy định. Lời khai nhận của Đ, T, N phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

- 2.200.000 đồng tiền ngân hàng N1; 04 mảnh giấy bạc, 01 túi nilon hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì A1; 02 chai nhựa trên mỗi nắp chai có gắn ống hút nhựa hoàn lại sau giám định được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS2 (070463); 01 bật lửa, 01 kéo kim loại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen (bên trong có lắp sim số thuê bao 0355.512.350) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ (bên trong lắp sim số thuê bao: 0346.337.949) được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh đen (bên trong lắp sim số thuê bao 0986.132.600) được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có vỏ màu vàng (bên trong lắp sim số thuê bao 0336.516.593) được niêm phong trong phong bì ký hiệu T3. Toàn bộ số vật chứng này được chuyển đến tài khoản và kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên chờ xử lý.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS 29P6-6539. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là của anh Đỗ Văn Q1 (sinh năm 1998; trú tại tổ dân phố H, phường T, P, Thái Nguyên) cho Nguyễn Văn Đ mượn để đi lại, anh Q1 không biết việc Đ mượn xe để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Q1 quản lý, sử dụng là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số 128/CT-VKSPY ngày 02/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn N và Nguyễn Văn Đ về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, vật chứng thu giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn N và Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Trần Văn T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Xử Hà Văn N, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Trần Văn T số tiền 2.200.000 đồng tiền ngân hàng N1; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có vỏ màu vàng (bên trong lắp sim số thuê bao 0336.516.593), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen (bên trong có lắp sim số thuê bao 0355.512.350), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh đen (bên trong lắp sim số thuê bao 0986.132.600); Trả lại cho bị cáo Hà Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ (bên trong lắp sim số thuê bao: 0346.337.949).

Đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng là ma túy còn lại sau giám định và các dụng cụ để sử dụng ma túy gồm có: 04 mảnh giấy bạc, 01 túi nilon hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì A1; 02 chai nhựa trên mỗi nắp chai có gắn ống hút nhựa hoàn lại sau giám định được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS2 (070463); 01 bật lửa, 01 kéo kim loại.

Ngoài ra còn đề nghị án phí đối với bị cáo và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm có cơ hội được trở về hòa nhập cộng đồng và thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/12/2022, Trần Văn T, Hà Văn N và Nguyễn Văn Đ đã có hành vi bán bạc thống nhất, cùng nhau góp tiền mua ma túy “đá” (loại Methamphetamine) và thuê nhà nghỉ (địa điểm), chuẩn bị dụng cụ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó: T và N góp 500.000 đồng để mua ma túy “đá”; T là người đi mua giấy bạc, ống hút nhựa, chai nhựa, bật lửa, một số đồ dùng khác và đứng ra thuê nhà nghỉ H1 để tổ chức sử dụng ma túy. Sau đó Đ, T và N thay nhau chế biến (hơ nóng...) ma túy để đưa ma túy vào cơ thể của nhau tại phòng 402 nhà nghỉ H1 thuộc tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà nghỉ H1 đến 15 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác Công an thành phố P, tỉnh Thái Nguyên kiểm tra, phát hiện xử lý.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý, sử dụng các chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 128/CT-VKSPY ngày 02/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ.

“Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Đối với 02 người trở lên...”.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: bị cáo Trần Văn T giữ vai trò là người khởi xướng, rủ rê, tổ chức sử dụng ma túy, bỏ tiền mua ma túy, mua đồ để sử dụng ma túy, N và Đ đều tham gia thực hành tích cực trong việc đi mua ma túy, chuẩn bị công cụ, chế biến ma túy.

[3] Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

- Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều đang là lao động tự do, chưa có tiền án, tiền sự. Hội đồng xét xử nhận định các bị cáo đều là người có nhân thân tốt.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: cả ba bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo trước khi phạm tội đều là người có nhân thân tốt, tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc mức án phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy, mức án mà Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp được chấp nhận.

Về mức hình phạt đối với từng bị cáo: Trần Văn T là người khởi xướng, rủ rê và tham gia phạm tội tích cực nhất nên phải chịu hình phạt cao nhất. Hà Văn N và Nguyễn Văn Đ đều tham gia tích cực như nhau trong suốt quá trình tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy nên phải chịu hình phạt ngang nhau, thấp hơn bị cáo T.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, phạm tội không có mục đích mua bán trục lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với số tiền 2.200.000 đồng tiền ngân hàng N1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Trần Văn T;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có vỏ màu vàng (bên trong lắp sim số thuê bao 0336.516.593) của Trần Văn T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen (bên trong có lắp sim số thuê bao 0355.512.350) của Hà Văn N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh đen (bên trong lắp sim số thuê bao 0986.132.600) của Nguyễn Văn Đ đều là phương tiện các bị cáo sử dụng

để liên lạc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ (bên trong lắp sim số thuê bao: 0346.337.949) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Hà Văn N.

- Đối với các vật chứng là ma túy còn lại sau giám định và các dụng cụ để sử dụng ma túy gồm có: 04 mảnh giấy bạc, 01 túi nilon hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì A1; 02 chai nhựa trên mỗi nắp chai có gắn ống hút nhựa hoàn lại sau giám định được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS2 (070463); 01 bật lửa, 01 kéo kim loại cần tịch thu, tiêu huỷ.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Việc xử lý đối tượng liên quan đến vụ án: Đối với đối tượng đã bán ma túy cho Hà Văn N nhưng N chỉ biết số điện thoại người này là 0963.353.828, không biết lai lịch, tên tuổi, không có thông tin gì khác về đối tượng nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với nhà nghỉ H1 do ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị Đ1 quản lý. Quá trình điều tra xác định ông S và bà Đỗ k biết việc các bị cáo thuê phòng nghỉ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ liên quan đến Công an thành phố P xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 47; Điều 38; Điều 58; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn N và Nguyễn Văn Đ;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 329, Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố:

1. Về tội danh: các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn N và Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Trần Văn T **08** (T1) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2022.

Xử phạt bị cáo Hà Văn N **07** (Bảy) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **07** (Bảy) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2022.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2.2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn N và Nguyễn Văn Đ.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 2.200.000 đồng; trả lại cho bị cáo Hà Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel (đựng trong bì ký hiệu T1 ghi điện thoại của Hà Văn N);

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (đựng trong bì ký hiệu T3 ghi điện thoại của Trần Văn T), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo (đựng trong bì ký hiệu T1 ghi điện thoại của Hà Văn N), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme (đựng trong bì ký hiệu T2 ghi điện thoại của Nguyễn Văn Đ).

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu A1 ghi hoàn trả mảnh giấy bạc và túi nilon còn lại sau giám định; 01 túi niêm phong có dấu đỏ mã số PS2A 070463 ghi bên trong có 02 chai nhựa nắp có gắn ống hút nhựa còn lại sau giám định; 01 bật lửa đã qua sử dụng; 01 chiếc kéo đã qua sử dụng; 01 cuộn giấy bạc đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng và Ủy nhiệm chỉ giữa Công an thành phố P, tỉnh Thái Nguyên và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn N và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND thành phố Phở Yên;
- Chi cục THADS TP. Phở Yên;
- Công an thành phố Phở Yên;
- Trại tạm giam CAT Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Xuân Lộc